

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ MÔN GIÁO DỤC THỂ CHẤT CỦA SINH VIÊN HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

ThS. Nguyễn Văn Toàn, ThS. Cao Trường Giang, ThS. Lê Trọng Động

Trung tâm GDTC và Thể thao - Học viện Nông nghiệp Việt Nam

Tóm tắt: Bài báo sử dụng các phương pháp nghiên phân tích và tổng hợp, phương pháp kiểm tra sự phạm và toán học thống kê trong thể dục thể thao (TDTT) để đánh giá kết quả học tập môn giáo dục thể chất (GDTC) trong hai năm học 2019-2020, 2020-2021 kể từ khi dịch bệnh Covid-19 ảnh hưởng đến dạy-học trực tiếp tại Học viện Nông nghiệp Việt Nam.

Abstract: The article uses analytical and synthetic research methods, pedagogical testing methods and statistical mathematics in physical education and sports to evaluate the learning outcomes of physical education in the two school years 2019-2020, 2020-2021 since the Covid-19 epidemic affects direct teaching and learning at the Vietnam National University of Agricultural.

Từ khóa: dịch bệnh covid-19; kết quả; giáo dục thể chất, Học viện Nông nghiệp Việt Nam.

Key words: ovid-19 epidemic; result; Physical Education, Vietnam National University of Agricultural.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Do tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp ảnh hưởng mọi mặt đến đời sống xã hội, trong đó công tác giáo dục – đào tạo. **Học viện Nông nghiệp Việt Nam đã điều chỉnh linh hoạt** kế hoạch đào tạo (từ đào tạo trực tiếp tại cơ sở giáo dục đến trực tuyến do giãn cách xã hội bắt đầu từ năm học 2019-2020, 2020-2021).

Công trình nghiên cứu của tác giả Trần Văn Hậu (2021), “*Nghiên cứu giải pháp giảng dạy trực tuyến trên Microsoft Team môn giáo dục thể chất tại Học viện Nông nghiệp Việt Nam*”. Tuy nhiên chưa đề cập đến kết quả học tập môn GDTC trong tình hình dịch bệnh Covid-19 và giãn cách xã hội để phòng chống dịch bệnh. Vì vậy, nghiên cứu phân tích, tổng

hợp, đánh giá kết quả học tập môn học GDTC của sinh viên Học viện trong giai đoạn này là mục tiêu của nghiên cứu này.

KẾT QUẢ VÀ BÀN LUẬN

Để đánh giá thực trạng công tác GDTC ở Học viện Nông nghiệp Việt Nam, đã nghiên cứu các vấn đề sau:

1. Chương trình giảng dạy môn giáo dục thể chất

Căn cứ Thông tư số 25/2015/TT-BGDĐT ngày 14-10-2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chương trình môn học GDTC thuộc các chương trình đào tạo trình độ đại học, Học viện Nông nghiệp Việt Nam đã cụ thể hóa chương trình và nội dung giảng dạy môn học GDTC (Bảng 1).

Bảng 1. Phân phối nội dung và thời gian học tập trong Chương trình giáo dục thể chất cho sinh viên của Học viện

TT	Nội dung	Mã môn	Số tiết	Theo học chế tín chỉ				
				I	II	III	IV	V
<i>I</i>	Môn tiên quyết	*	30	(Học ngay học kỳ I của khoá học)				
1	Giáo dục thể chất đại cương	GT01016	30					
<i>II</i>	Các môn thể thao tự chọn:	**	60	(Học ngay học kỳ I của khoá học)				
1	Khiêu vũ Thể thao	GT01014	30					
2	Bơi	GT01015	30					
3	Điền kinh	GT01017	30					
4	Thể dục Aerobic	GT01018	30					
5	Bóng đá	GT01019	30					
6	Bóng chuyền	GT01020	30					
7	Bóng rổ	GT01021	30					
8	Cầu lông	GT01022	30					
9	Cờ vua	GT01023	30					
<i>III</i>	Tự học: Bóng đá; cầu lông; bóng chuyền; bóng rổ; bóng đá, võ, khiêu vũ ...		180	(Số tiết tự học ít nhất gấp hai lần số tiết học chính khoá)				
Σ	TỔNG		270	Trương ứng theo từng học kỳ				

Ghi chú: (*) nội dung bắt buộc tùy theo nhóm/lớp ấn định từ học kỳ I; (**) Chọn 2 trong số 9 nội dung tự chọn từ học kỳ II trở đi.

Kết quả bảng 1 cho thấy, tổng số tiết học môn GDTC tại Học viện là 90 tiết tương ứng 03 tín chỉ (01 bắt buộc, 02 tự chọn). Số tiết tự học và chuẩn bị ít nhất gấp đôi số tiết trên lớp.

Như vậy, chương trình nội dung giảng dạy môn GDTC tại Học viện Nông nghiệp Việt Nam là đúng với Thông tư số 25/2015/TT-BGDĐT ngày 14-10-2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chương trình môn học GDTC thuộc các chương trình đào tạo trình độ đại học ở các giờ chính khoá.

2. Đội ngũ giảng viên giảng dạy môn giáo dục thể chất

Với 18 giảng viên GDTC của Học viện tốt nghiệp Đại học TĐTT hệ chính quy, hiện nay 100% giảng viên có trình độ Thạc sĩ; theo các chuyên ngành khác nhau... là nguồn nhân sự tiềm năng trong dạy, huấn luyện và công tác phát triển TĐTT phong trào, thực hiện nghiên cứu khoa học góp phần nâng cao chất lượng GDTC. Tuy nhiên, tỉ lệ giảng viên GDTC/SV theo từng học kỳ khoảng 1/900 là một tỷ lệ quá cao (Bảng 2).

Bảng 2. Đội ngũ giảng viên giáo dục thể chất của Học viện (tính đến tháng 9/2021)

Chỉ số	Giới tính		Trình độ học vấn			Tuổi đời	
	Nam	Nữ	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	<45	>45
Số lượng	15	3	01	17	0	14	4
Tỉ lệ (%)	83,33	16,66	5,56	94,44	0	77,78	22,22

Kết quả bảng 2 cho thấy: số giảng viên tuổi đời <45 chỉ có 14 người, chiếm tỉ lệ 77,78%; trình độ tiến sĩ chiếm 5,56%, còn lại 94,44% là thạc sĩ. Đây là nguồn nhân lực mạnh mẽ cho công tác GDTC. Giảng viên trẻ nhiều, số lượng giảng viên còn thiếu.

3. Cơ sở vật chất, sân bãi tập luyện

CSVC phục vụ dạy-học, thi đấu của Học viện còn thiếu, công suất và mật độ sử dụng sân bãi lớn. Vì vậy, cần giãn mật độ giảng dạy, đảm bảo cho SV học tập có kết quả và dành thời gian để sân bãi phục vụ cho các hoạt động phong trào ngoại khóa và thi đấu của SV (Bảng 3).

Bảng 3. Sân bãi, dụng cụ dạy-học GDTC của Học viện năm học 2019-2020 và 2020-2021

TT	Sân bãi dụng cụ	Số lượng	Chất lượng	Đề dạy-học
1	Sân bóng đá 70x100m	01	Khá	1
2	Sân bóng đá mini	02	Trung bình	2
3	Sân bóng chuyền	05	Trung bình	3
4	Sân bóng rổ	3	Kém	2
5	Sân cầu lông	5	Khá	5
6	Khu tập xà đơn, xà kép	1	Trung bình	0
7	Hố nhảy xa	4	Khá	4
8	Hố nhảy cao (đệm)	1	Kém	0
9	Sân điền kinh	1	Trung bình	1
10	Nhà tập luyện đa năng	1	Trung bình	1

Kết quả bảng 3 cho thấy: giảng đường nhà tập đa năng sử dụng cho học cầu lông, thể dục, khiêu vũ thể thao; mỗi giờ học GDTC thường có khoảng 3-4 nhóm lớp với khoảng 150 SV. Mật độ sử dụng tương đối cao với bốn ca học hàng ngày. Nhà đa năng hiện đã xuống cấp nghiêm trọng, nhất là mái che mưa, thường xuyên nước chảy thẳng xuống sân.

Giảng đường sân vận động học điền kinh, bóng đá, bóng chuyền được đầu tư nhưng không đúng tiêu chuẩn có thể tổ chức thi đấu. Hệ thống

thoát nước vận hành kém, không có phòng học khi mưa hoặc nắng to, ảnh hưởng nhiều đến an toàn, vệ sinh học tập.

4. Tập luyện ngoại khóa thể dục thể thao

Trong năm học Học viện thường tổ chức thi đấu nhiều môn thể thao với nội dung phong phú, có chất lượng. Các khoa có SV đều tổ chức được các giải thi đấu nội bộ. Hiện tại, Học viện có các CLB: bóng rổ, bóng bàn, cầu lông, bóng chuyền, quần vợt, bóng đá, khiêu vũ thể thao,

võ thuật, Aerobic, Zumba ... tập luyện từ 2 đến 3 buổi/tuần. Tuy nhiên, so với số lượng khoảng 20.000 người học và hơn 1300 cán bộ viên chức thì tỉ lệ tập luyện các CLB rất ít, số buổi tập luyện cũng hạn chế, dụng cụ tập luyện thiếu.

Trong năm học 2020-2021, do ảnh hưởng lớn của dịch bệnh Covid-19 nên tất cả các giải thi đấu TDTT các cấp đều bị hủy, CLB tạm ngừng

hoạt động để đảm bảo giãn cách phòng dịch.

5. Kết quả học tập môn GDTC của sinh viên

Thông kê và phân tích kết quả học tập môn GDTC của SV trong hai năm học 2019-2020 và 2020-2021 bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19, giãn cách xã hội liên tục, học trực tuyến đan xen. Kết quả trình bày ở bảng 4.

Bảng 4. Kết quả học tập môn GDTC của sinh viên Học viện năm học 2019-2020 theo tín chỉ (n=12836)

TT	Điểm Học phần	Tổng SV	F <4.0		FP-Nợ học phí		D (4.0-5.4)		C (5.5-6.9)		B (7.0-8.4)		A (8.5-10)	
			n	%	n	%	n	%	n	%	n	%	n	%
1	Lý thuyết GDTC - Chạy cự li trung bình	32	5	15,6	0	0	1	3,13	18	56,3	8	25	0	0
2	Chạy 100m - Nhảy xa	11	0	0	0	0	1	9,09	7	63,6	3	27,3	0	0
3	Thể dục	30	3	10	0	0	8	26,7	17	56,7	2	6,67	0	0
4	Khiêu vũ Thể thao	438	35	7,99	9	2,05	74	16,9	209	47,7	103	23,5	8	1,83
5	GDTC đại cương	4402	811	18,4	23	0,52	1893	43	1523	34,6	150	3,41	2	0,05
6	Điền kinh	1327	145	10,9	44	3,32	193	14,5	432	32,6	406	30,6	107	8,06
7	Thể dục Aerobic	680	65	9,56	5	0,74	190	27,9	299	44	116	17,1	5	0,74
8	Bóng đá	1721	344	20	164	9,53	576	33,5	486	28,2	144	8,37	7	0,41
9	Bóng chuyền	1617	190	11,8	104	6,43	526	32,5	645	39,9	147	9,09	5	0,31
10	Bóng rổ	243	53	21,8	13	5,35	80	32,9	68	28	22	9,05	7	2,88
11	Cầu lông	1463	174	11,9	50	3,42	454	31	623	42,6	153	10,5	9	0,62
12	Cờ vua	872	237	27,2	51	5,85	239	27,4	219	25,1	108	12,4	18	2,06
TỔNG		12836	2062	16,1	463	3,61	4235	33	4546	35,4	1362	10,6	168	1,31

Kết quả bảng 4 với 12 học phần, cho thấy tỉ lệ SV:

Xếp loại điểm A (Giỏi), học phần Điền kinh có tỉ lệ cao nhất là 8,06%; điểm B (Khá), học phần Điền kinh có tỉ lệ cao nhất là 30,60%; điểm C (Trung bình), học phần Thể dục có tỉ lệ cao nhất là 63,6% (số mẫu ít, do học phần này dành cho SV từ khoá 60 trở về trước); điểm D (Trung bình - Yếu), học phần GDTC đại cương có tỉ lệ cao nhất là 43%; điểm F (phải học lại), học phần Cờ vua có tỉ lệ cao nhất là 27,2%; các học phần có số lượng ít là do chỉ dành cho các SV từ khoá K60 về trước, những SV sắp hết thời hạn học tập của khoá học.

Tính chung tỉ lệ SV điểm F, phải học lại trong học kỳ 1 năm học 2019-2020 với 16,10%,

cộng với 3,61% do SV không đóng học phí nên bị huỷ kết quả.

Kết quả này phản ánh dịch bệnh covid-19 bắt đầu ảnh hưởng, giãn cách xã hội kéo dài, kế hoạch đào tạo đan xen, học trực tiếp-trực tuyến, thời gian học tập trực tuyến tăng lên.

Tiếp tục đánh giá kết quả học tập trong năm học 2020-2021, trong thời gian này dịch bệnh Covid-19 tiếp tục ảnh hưởng bởi làn sóng thứ 3, 4. Trong đó học kỳ II học trực tiếp tuần 01, học tại Học viện tuần 02-07, tuần 08 đến hết học kỳ trực tuyến (gồm kiểm tra và thi). Kết quả trình bày bảng 5.

Bảng 5. Kết quả học tập môn GDTC của sinh viên Học viện năm học 2020-2021 theo tín chỉ (n=11044)

TT	Điểm Học phần	Tổng SV	F <4.0		FP-Nợ học phí		D (4.0-5.4)		C (5.5-6.9)		B (7.0-8.4)		A (8.5-10)	
			n	%	n	%	n	%	n	%	n	%	n	%
1	Thể dục	11	1	9,09	1	9,09	0	0	2	18,2	6	54,5	1	9,09
2	Khiêu vũ Thể thao	386	22	5,7	5	1,3	44	11,4	135	35	158	40,9	22	5,7
3	GDTC đại cương	3981	698	17,5	45	1,13	1547	38,9	1253	31,5	361	9,07	77	1,93
4	Điền kinh	1079	63	5,84	26	2,41	189	17,5	413	38,3	288	26,7	100	9,27
5	Thể dục Aerobic	696	38	5,46	12	1,72	114	16,4	268	38,5	250	35,9	14	2,01
6	Bóng đá	1064	170	16	53	4,98	312	29,3	401	37,7	121	11,4	7	0,66
7	Bóng chuyền	1100	96	8,73	43	3,91	332	30,2	488	44,4	136	12,4	5	0,45
8	Bóng rổ	373	61	16,4	17	4,56	86	23,1	168	45	31	8,31	10	2,68
9	Cầu lông	1681	107	6,37	72	4,28	413	24,6	871	51,8	210	12,5	8	0,48
10	Cờ vua	673	141	21	30	4,46	180	26,7	224	33,3	79	11,7	19	2,82
TỔNG		11044	1397	12,6	304	2,75	3217	29,1	4223	38,2	1640	14,8	263	2,38

Kết quả bảng 5 với 10 học phần, cho thấy tỉ lệ SV:

Xếp loại điểm A (Giỏi), học phần Thể dục có tỉ lệ cao nhất là 9,09%; Điểm B (Khá), học phần Khiêu vũ Thể thao có tỉ lệ cao nhất là 40,9%; Điểm C (Trung bình), học phần Cầu lông

có tỉ lệ cao nhất là 51,8%; Điểm Trung bình - Yếu, học phần GDTC đại cương có tỉ lệ cao nhất là 38,9%; Điểm F học phần GDTC đại cương cao nhất là 17,5%, nợ học phí chiếm 2,75%

So sánh kết quả học tập năm học 2019-2020 với 2020-2021, kết quả trình bày bảng 6.

Bảng 6. So sánh kết quả học tập môn GDTC của SV Học viện trong năm học 2019-2020 với 2020-2021 (n=23880)

TT	Điểm Học phần	Năm học 2019-2020							Năm học 2020-2021							
		n	F	FP	D	C	B	A	n	F	FP	D	C	B	A	
1	Lý thuyết GDTC - Chạy cự li trung bình	32	15,63	0	3,125	56,25	25	0	0	0	0	0	0	0	0	0,00
2	Chạy 100m - Nhảy xa	11	0	0	9,091	63,64	27,27	0	0	0	0	0	0	0	0,00	
3	Thể dục	30	10	0	26,67	56,67	6,667	0	11	9,091	9,091	0	18,18	54,55	9,09	
4	Khiêu vũ Thể thao	438	7,991	2,055	16,89	47,72	23,52	1,83	386	5,699	1,295	11,4	34,97	40,93	5,70	
5	GDTC đại cương	4402	18,42	0,522	43	34,6	3,408	0,05	3981	17,53	1,13	38,86	31,47	9,068	1,93	
6	Điện kinh	1327	10,93	3,316	14,54	32,55	30,6	8,06	1079	5,839	2,41	17,52	38,28	26,69	9,27	
7	Thể dục Aerobic	680	9,559	0,735	27,94	43,97	17,06	0,74	696	5,46	1,724	16,38	38,51	35,92	2,01	
8	Bóng đá	1721	19,99	9,529	33,47	28,24	8,367	0,41	1064	15,98	4,981	29,32	37,69	11,37	0,66	
9	Bóng chuyền	1617	11,75	6,432	32,53	39,89	9,091	0,31	1100	8,727	3,909	30,18	44,36	12,36	0,45	
10	Bóng rổ	243	21,81	5,35	32,92	27,98	9,053	2,88	373	16,35	4,558	23,06	45,04	8,311	2,68	
11	Cầu lông	1463	11,89	3,418	31,03	42,58	10,46	0,62	1681	6,365	4,283	24,57	51,81	12,49	0,48	
12	Cờ vua	872	27,18	5,849	27,41	25,11	12,39	2,06	673	20,95	4,458	26,75	33,28	11,74	2,82	
	TỔNG	12836	16,06	3,607	32,99	35,42	10,61	1,31	11044	12,65	2,753	29,13	38,24	14,85	2,38	

Qua bảng 6 cho thấy: Tỷ lệ SV đạt điểm A năm học 2020-2021 là 2,38% cao hơn năm học 2019-2020 là 1,31%; SV đạt điểm B năm học 2020-2021 là 14,85% cao hơn năm học 2019-2020 là 10,61%; SV đạt điểm C năm học 2020-2021 là 38,24% cao hơn năm học 2019-

2020 là 35,42%; SV đạt điểm D năm học 2020-2021 là 29,13% thấp hơn năm học 2019-2020 là 32,99%; SV đạt điểm F năm học 2020-2021 là 12,65% thấp hơn năm học 2019-2020 là 16,06%.

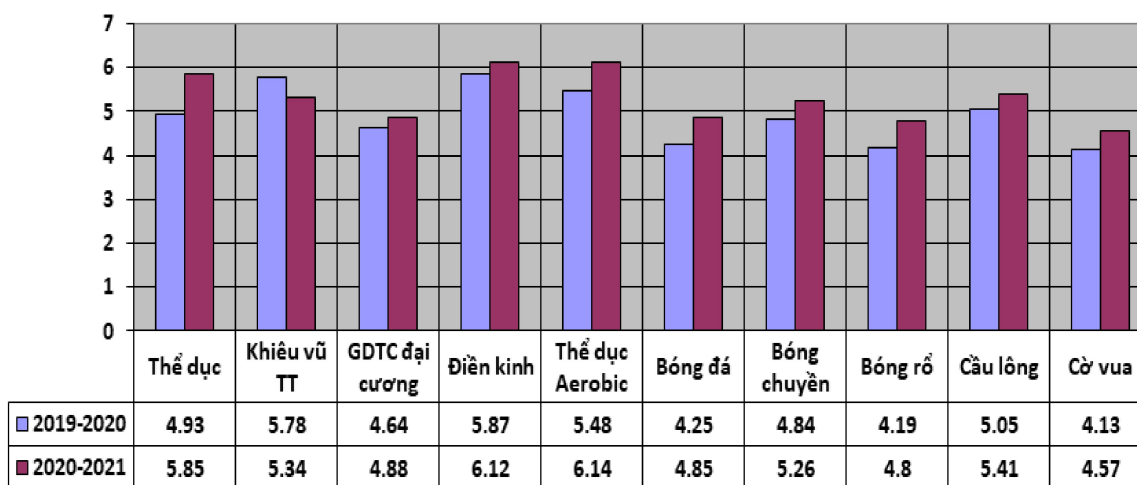
Điểm số trung bình các học phần của hai năm học, trình bày bảng 7.

Bảng 7. So sánh điểm số trung bình các học phần môn GDTC của SV Học viện trong năm học 2019-2020 với 2020-2021 (n=23880)

TT	Điểm Học phần	Năm học 2019-2020		Năm học 2020-2021	
		n	$\bar{x} \pm \delta$	n	$\bar{x} \pm \delta$
1	Lý thuyết GDTC - Chạy cự li trung bình	32	5,38 ± 2,63	0	0
2	Chạy 100m - Nhảy xa	11	6,00 ± 0,70	0	0
3	Thể dục	30	4,93 ± 2,02	11	5,85 ± 2,97
4	Khiêu vũ Thể thao	438	5,78 ± 2,05	386	5,34 ± 2,14
5	GDTC đại cương	4402	4,64 ± 1,82	3981	4,88 ± 1,97
6	Điền kinh	1327	5,87 ± 2,48	1079	6,12 ± 1,46
7	Thể dục Aerobic	680	5,48 ± 1,87	696	6,14 ± 1,88
8	Bóng đá	1721	4,25 ± 2,39	1064	4,85 ± 2,21
9	Bóng chuyền	1617	4,84 ± 2,17	1100	5,26 ± 1,92
10	Bóng rổ	243	4,19 ± 2,69	373	4,80 ± 2,49
11	Cầu lông	1463	5,05 ± 2,08	1681	5,41 ± 1,94
12	Cờ vua	872	4,13 ± 2,71	673	4,57 ± 2,56

Kết quả bảng 7 cho thấy, điểm số trung bình các học phần năm học 2020-2021 cao hơn năm học 2019-2020, có học phần Thể dục và Khiêu vũ Thể thao kém hơn.

Để làm rõ hơn kết quả học tập môn GDTC trong năm học 2019-2020 với năm học 2020-2021 được minh họa qua biểu đồ:



Biểu đồ 1. So sánh kết quả qua năm học 2019-2020 và 2020-2021

Kết luận: Kết quả học tập GDTC của SV năm học 2020-2021 cao hơn năm học 2019-2020. Qua đó thể hiện sự thích nghi với sự thay đổi phương thức giảng dạy, kiểm tra-thi trực

tiếp sang trực tuyến do dịch bệnh Covid-19 kéo dài phải giãn cách xã hội.

KẾT LUẬN

Giảng dạy môn GDTC của Học viện

Nông nghiệp Việt Nam đúng quy định nhưng số giờ ngoại khóa của SV còn ít; giảng viên vẫn còn thiếu, dụng cụ dạy-học GDTC còn thiếu; số lượng SV tham gia tập luyện và thi đấu thường

xuyên ít;

Qua phân tích, bước đầu đánh giá kết quả học tập của SV năm học 2020-2021 tốt hơn năm học 2019-2020.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2015), *Thông tư số 25/2015/TT-BGDĐT ngày 14-10-2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chương trình môn học Giáo dục thể chất thuộc các chương trình đào tạo trình độ đại học*, Hà Nội.
- [2]. Trần Văn Hậu (2021), **Nghiên cứu giải pháp giảng dạy trực tuyến trên Microsoft Teams môn giáo dục thể chất tại Học viện Nông nghiệp Việt Nam.**
- [3]. Nguyễn Tiên Tiến (Chủ Biên), Nguyễn Tiên Tiến, Trần Hồng Hoa, Nguyễn Hoàng Minh Thuận, Nguyễn Khánh Duy (2016), *Giáo trình phương pháp nghiên cứu khoa học trong thể dục thể thao*, NXB Trường Đại học Quốc gia T.P. Hồ Chí Minh, T.P. Hồ Chí Minh.
- [4]. Nguyễn Toán, Nguyễn Sĩ Hà (2004), *Giáo trình Lý luận và phương pháp Thể dục Thể thao*, NXB Trường Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Hồ Chí Minh.
- [5]. Nguyễn Đức Văn (2001), *Phương pháp thống kê trong thể dục thể thao*, NXB TĐTT, Hà Nội.

Bài nộp ngày 28/8/2021, phản biện ngày 23/11/2021, duyệt in ngày 10/12/2021